TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN MỎ CÀY BẮC** TỈNH BẾN TRE	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 07/2023/HNGĐ-ST
Ngày: 16- 02-2023
V/v Ly hôn.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN MỎ CÀY BẮC, TỈNH BẾN TRE

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
***Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa*:** Bà Nguyễn Thị Thúy Uyên
***Các Hội thẩm nhân dân*:**
1. Ông Đoàn Văn Lắm
2. Ông Nguyễn Văn Vũ

***- Thư ký phiên tòa*:** Bà Nguyễn Thị Phương Trang – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Mỏ Cày Bắc, tỉnh Bến Tre.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Mỏ Cày Bắc: Ông Nguyễn Hoàng Nhân – Kiểm sát viên.

Ngày 16 tháng 02 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Mỏ Cày Bắc công khai xét xử sơ thẩm vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 290/2022/TLST-HN ngày 10 tháng 11 năm 2022 về việc "Ly hôn" theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 02/2023/QĐST – HNGĐ ngày 13 tháng 01 năm 2023; giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Đinh Thủy T, sinh năm 1979
Địa chỉ : ấp T, xã T, huyện M, tỉnh Bến Tre.
2. Bị đơn: Anh Phạm Anh P, sinh năm 1970;
Địa chỉ: ấp T, xã T, huyện M, tỉnh Bến Tre
Chị T có yêu cầu giải quyết vắng mặt; anh P vắng mặt không lý do.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn chị Đinh Thủy T trình bày:

Chị vẫn giữ nguyên yêu cầu xin ly hôn với anh P. Chị và anh P quen nhau sau có làm đám cưới và có đăng ký kết hôn vào năm 2007 được UBND xã T cấp giấy chứng nhận đăng ký kết hôn vào ngày 05/12/2007. Thời gian đầu vợ chồng sống hạnh phúc nhưng được một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn không thể hòa giải được, vợ chồng thường xảy ra mâu thuẫn do cả hai không còn hợp nhau,mỗi người một quan điểm, không còn yêu thương lo lắng, chăm sóc nhau, anh P không quan tâm chăm sóc cho chị. Chị đã ra ngoài ở từ tháng 8/2022 cho đến nay. Chị và anh P đã ly thân từ tháng 8/2022 cho đến nay, chị khuyên anh P thay đổi nhưng anh không thay đổi. Trong thời gian ly thân chị, gia đình hai bên có hàn gắn tình

cảm cho vợ chồng chị nhưng không thành. Nay chị thấy tình cảm vợ chồng không còn nên xin ly hôn với anh P. Chị không yêu cầu anh P cấp dưỡng giữa vợ và chồng cho chị, chị cũng không cấp dưỡng cho anh P.

- Về con chung: trong thời gian sống chung vợ chồng không có con chung. Tài sản chung: Không có, không yêu cầu giải quyết.

- Nợ chung; Không có.

Bị đơn anh Phạm A Pha vắng mặt nên không có lời trình bày.

Tại phiên tòa Kiểm sát viên đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Mỏ Cày Bắc phát biểu:

Việc tuân theo pháp luật của thẩm phán trong quá trình thụ lý vụ án và giải quyết đúng quy định của pháp luật.

Việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử tại phiên tòa đúng quy định của pháp luật.

Việc tuân theo pháp luật của đương sự trong quá trình thụ lý và giải quyết nguyên đơn thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình, bị đơn thực hiện không đúng quyền và nghĩa vụ của mình.

Về nội dung vụ án: Đề nghị áp dụng điều 51, 56 Luật hôn nhân gia đình năm 2014; Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn chị Đinh Thủy T, chị T được ly hôn với anh P; Con chung không có nên không xem xét; Tài sản chung không có nên không xem xét; Nợ chung không có nên không xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, căn cứ vào kết quả thẩm tra tại phiên toà, trên cơ sở xem xét đầy đủ toàn diện chứng cứ, ý kiến của các đương sự, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Quan hệ pháp luật*: Căn cứ vào yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và nội dung vụ án cần giải quyết, Hội đồng xét xử xác định quan hệ pháp luật tranh chấp của vụ án là "Ly *hôn"* theo quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] *Thẩm quyền giải quyết*: Theo xác nhận của Công an xã T, huyện M, tỉnh Bến Tre xác nhận anh Phạm Anh P hiện có đăng ký thường trú tại xã T, huyện M, tỉnh Bến Tre và đang sinh sống tại địa phương. Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết theo trình tự sơ thẩm của Tòa án nhân dân huyện Mỏ Cày Bắc.

Chị Đinh Thủy T có yêu cầu xin xét xử vắng mặt nên căn cứ vào khoản 1 điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự xét xử vắng mặt chị T là phù hợp.

Anh Phạm Anh P vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai không có lý do nên Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự xét xử vắng mặt anh P là phù hợp.

[3] *Về hôn nhân*: Chị Đinh Thị Thủy T1 và anh Phạm A Pha kết hôn vào năm 2007, trên cơ sở quen biết và có đăng ký kết hôn tại UBND xã T, huyện M nên hôn nhân của anh chị là hợp pháp, được pháp luật công nhận và bảo vệ. Xét

yêu cầu xin ly hôn của chị T1, chị T1 cho rằng thời gian đầu vợ chồng sống hạnh phúc nhưng được một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn không thể hòa giải được, vợ chồng thường xảy ra mâu thuẫn do cả hai không còn hợp nhau, mỗi người một quan điểm, không còn yêu thương lo lắng, chăm sóc nhau, anh P không quan tâm chăm sóc cho chị. Chị đã ra ngoài ở từ tháng 8/2022 cho đến nay. Chị và anh P đã ly thân từ tháng 08/2022 cho đến nay, chị khuyên anh P thay đổi nhưng anh không thay đổi. Trong thời gian ly thân chị, gia đình hai bên có hàn gắn tình cảm cho vợ chồng chị nhưng không thành. Nay chị thấy tình cảm vợ chồng không còn nên xin ly hôn với anh P. Trong quá trình giải quyết vụ án chị T1 vẫn giữ yêu cầu xin ly hôn với anh P. Qua xác minh, gia đình của chị T1 cho rằng, giữa chị T1 và anh P có mâu thuẫn trong cuộc sống vợ chồng, 02 người thường hay cãi nhau; chị T1 đã ra ngoài sống. Như vậy, giữa chị T1 và anh P mâu thuẫn là có thật. Anh P đã được tòa án triệu tập hợp lệ đến để tham gia hòa giải, xét xử nhưng vẫn vắng mặt không có lý do, cũng không có ý kiến gì về việc chị xin ly hôn, chứng tỏ anh P không có thiện chí hàn gắn tình cảm vợ chồng. Anh chị là vợ chồng nhưng không quan tâm, chăm sóc lẫn nhau, không thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ vợ chồng, thấy rằng mâu thuẫn giữa chị T1 và anh P đã trầm trọng, mục đích hôn nhân giữa hai anh chị không đạt được đời sống chung không thể kéo dài nên chấp nhận yêu cầu của chị T1 là phù hợp.

[4] *Về con chung*: Chị T1 trình bày không có nên không xem xét.

[5] *Về tài sản chung*: Chị T1 trình bày không có nên không xem xét.

[6] *Về nợ chung*: Chị T1 trình bày không có nên không xem xét.

[7] *Án phí ly hôn*: Do yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận nên chị T1 phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm theo qui định là 300.000 đồng.

[8] Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Mỏ Cày Bắc phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 227, 228 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ các Điều 51, 56 Luật hôn nhân gia đình năm 2014;

Căn cứ Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

1. *Về hôn nhân*: Chấp nhận yêu cầu của chị Đinh Thủy T1.

Chị Đinh Thủy T1 được ly hôn với anh Phạm A Pha

2. *Về con chung*: Chị T1 trình bày không có nên không xem xét.

3. *Về tài sản chung*: Chị T1 trình bày không có nên không xem xét.

4. *Về nợ chung*: Chị T1 trình bày không có nên không xem xét.

5. *Án phí*: Chị Đinh Thủy T1 phải nộp án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm là 300.000 (ba trăm nghìn) đồng nhưng được trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp tại biên lai thu số 0000598 ngày 10 tháng 11 năm 2022 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Mỏ Cày Bắc.

Nguyên đơn, bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ có quyền kháng cáo bản án kể từ ngày bản án được tống đạt hợp lệ để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Bến Tre xét xử phúc thẩm.

***Nơi nhận*:**
- *TAND Bến Tre (01b);*
- *VKSND huyện Mỏ Cày Bắc (02b);*
- *Chi cục THADS huyện Mỏ Cày Bắc(01b);*
- *UBND xã Tân Thành Bình (số 123 ngày 05/12/2007) (01b);*
- *Đương sự (02b);*
- *Lưu HS, VP (03b).*

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thị Thúy Uyên